

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải; Bà Trương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn B - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Cuối, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị L - Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh B và chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị L vào ngày 09/9/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3/2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2020 cho đến nay, mặc dù anh đã nhiều lần tìm chị về đoàn tụ nhưng chị L

không về. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Lê Huyền T, sinh ngày 11/7/2016 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 01/11/2018. Hiện cháu Q đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng nên anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q sau ly hôn, để cháu T cho chị L nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo gọi nhiều lần nhưng chị Vũ Thị L không đến Tòa án làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với đại diện chính quyền địa phương nơi chị L cư trú và gia đình chị L được biết: Anh B và chị L lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Yên Bằng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 09/9/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng xuất phát từ kinh tế khó khăn, anh B và chị L sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh B và chị L có hai con chung, hiện cháu Q đang sống cùng anh B, cháu T đang sống cùng chị L. Tài sản chung, nợ chung của anh B và chị L địa phương không biết. Việc anh B làm đơn xin ly hôn, chị L đã biết, tất cả các văn bản Tòa án gửi cho chị L đều nhận được, nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được.

Do chị L vắng mặt, nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, anh B và chị L chung sống đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do làm ăn kinh tế khó khăn; anh B và chị L đã ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân

gia đình giải quyết để anh B được ly hôn với chị L. Về con chung, anh B và chị L có hai con chung là cháu Lê Huyền T, sinh ngày 11/7/2016 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 01/11/2018. Hiện cháu Q đang sống cùng anh B, cháu T đang sống cùng chị L. Anh B có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q, để chị L nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn. Mặc dù cháu Q dưới 36 tháng tuổi nhưng chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống để cháu Q cho anh B nuôi dưỡng, anh B xin ly hôn chị L biết nhưng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng cháu, điều đó thể hiện chị muốn để cháu Q cho anh B nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh B và chị L có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Vĩnh thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị L vắng mặt. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng chị L vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn B và chị Vũ Thị L kết hôn ngày 09/9/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận và có hai con chung với nhau nhưng hạnh phúc không duy trì được. Mâu thuẫn phát sinh do

kinh tế khó khăn; hơn nữa do vợ chồng tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh B và chị L đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh B và chị L có hai con chung là cháu Lê Huyền T, sinh ngày 11/7/2016 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 01/11/2018, anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn. Xét yêu cầu của anh B về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng khi vợ chồng ly thân, anh B chị L đã tự thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Q hiện đang sống cùng anh B, cháu T hiện đang sống cùng chị L. Chị L biết được yêu cầu của anh B về việc nuôi con chung nhưng không có ý kiến gì, điều đó thể hiện chị cũng mong muốn để cháu Q cho anh B nuôi dưỡng, hơn nữa để ổn định cuộc sống của các cháu. Vì vậy cần giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B và chị L có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Lê Văn B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Lê Văn B và chị Vũ Thị L.

2. Về con chung: Giao anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Q, sinh ngày 01/11/2018, chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Huyền T, sinh ngày 11/7/2016. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn B phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ anh B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001749, ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn B và chị Vũ Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Bằng;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn